

LIÊN NGÀNH SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PTNT - SỞ Y TẾ -
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
Số: 9203	Số: 99 /TTr-LN
Ngày: 30/7/2018	
Chuyên:	
Lưu hồ sơ:	

Hung Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2018

ĐẾN

Đ. Quyết

Đ. Huyền

Xếp Bộ phận

Đ

TỜ TRÌNH

Về việc phân bổ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng - Vốn vay Ngân hàng Thế giới năm 2018

Kính gửi:

- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính.

Căn cứ Hợp đồng vay lại giữa Bộ Tài chính và UBND tỉnh Hưng Yên ngày 16/6/2013 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 5176-VN của hiệp hội phát triển quốc tế (IDA);

Căn cứ công văn số 8178/BNN-TC ngày 29/9/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phương án phân bổ kinh phí thực hiện các chương trình nước sạch; số 8452/BNN-KH ngày 06/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phân khai kế hoạch đầu tư công nguồn vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW năm 2018 đối với các chương trình, dự án ô thuộc nguồn vốn chi phát triển;

Căn cứ tiến độ và nhu cầu vốn thực hiện các dự án,

Liên ngành Sở Nông nghiệp & PTNT - Sở Y tế - Sở giáo dục & Đào tạo, dự kiến phân bổ vốn Chương trình MTQG nước sạch và VSMTNT dựa trên kết quả 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng - Vốn vay Ngân hàng Thế giới năm 2018 như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Số TT	Tên dự án	Nguồn vốn vay WB năm 2018				Đơn vị thực hiện
		Tổng số	Vốn ĐTPT		Vốn sự nghiệp	
			Vốn TW cấp phát	Vốn NSDP vay lại		
	Tổng số	113.900	75.000	36.400	2.500	
I	Dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn	109.200	72.800	36.400	-	Trung tâm nước SH & VSMTNT



PHỤ LỤC 01:

Phân bổ vốn dự án cấp nước sinh hoạt thôn thuộc chương trình nước sạch và VSNT dựa trên kết quả 8 tỉnh đồng bằng sông hồng - Vốn vay Ngân hàng Thế giới năm 2018

(Kèm tờ trình số 99/TT-TL-N ngày 30/7/2018 của Liên ngành Nông nghiệp & PTNT - Y tế - Giáo dục & Đào tạo)

TT	Tên công trình	Dự toán đã phê duyệt	Dự toán phần vốn WB				Lũy kế vốn bố trí đến 2017				KH vốn 2018				Lũy kế vốn bố trí đến hết 2018	Lũy kế tỷ lệ phân bổ vốn đến hết 2018			
			Vốn ĐTPT				Vốn ĐTPT				Vốn ĐTPT								
			Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó	
				Cấp phát	Vay lại		Cấp phát	Vay lại		Cấp phát	Vay lại		Cấp phát	Vay lại					
	Tổng	514,884	309,961	154,981	464,942	309,961	154,981	197,093	98,997	109,200	72,800	36,400	405,289						
A	Công trình hoàn thành, chờ quyết toán	270,750	162,450	81,225	243,675	162,450	81,225	140,922	71,018	22,167	14,970	7,197	234,107						
1	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phụng Công, huyện Văn Giang	25,256	15,154	7,577	22,731	15,154	7,577	14,500	7,250	-	-	-	21,750	96%					
2	Hệ thống cấp nước tập trung xã Long Hưng, huyện Văn Giang	34,802	20,881	10,441	31,322	20,881	10,441	20,197	10,348	-	-	-	30,545	98%					
3	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Thuận Hưng - Đại Hưng, huyện Khoái Châu	47,696	28,617	14,309	42,926	28,617	14,309	28,288	14,164	-	-	-	42,452	99%					
4	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Hưng Đạo - Minh Hoàng, huyện Tiên Lữ	46,270	27,762	13,881	41,643	27,762	13,881	24,518	12,709	2,333	1,855	478	39,561	95%					
5	Hệ thống cấp nước tập trung xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào	32,041	19,225	9,612	28,837	19,225	9,612	16,944	8,423	2,028	1,319	709	27,395	95%					
6	Hệ thống cấp nước tập trung xã Minh Tân, huyện Phù Cừ	22,938	13,763	6,881	20,644	13,763	6,881	12,548	6,129	934	527	408	19,611	95%					
7	Hệ thống cấp nước tập trung xã Trung Trác, huyện Văn Lâm	34,198	20,519	10,259	30,778	20,519	10,259	13,546	6,823	8,871	5,947	2,924	29,239	95%					
8	Hệ thống cấp nước tập trung xã, Trung Hưng, huyện Yên Mỹ	27,549	16,529	8,265	24,794	16,529	8,265	10,381	5,173	8,001	5,322	2,679	23,554	95%					
B	Công trình xây dựng chuyển tiếp hoàn thành năm 2018	200,852	120,511	60,256	180,767	120,511	60,256	50,168	25,104	63,540	42,262	21,278	138,812						
1	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Thịnh, huyện Kim Động	29,178	17,507	8,753	26,260	17,507	8,753	11,537	5,769	7,642	5,094	2,547	24,947	95%					
2	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phù Ung, huyện Ân Thi	16,532	9,919	4,960	14,879	9,919	4,960	1,436	837	-	-	-	2,273	15%					
3	Mở rộng hệ thống CNTT liên xã Thuận Hưng - Đại Hưng, huyện Khoái Châu (nối mạng cấp nước cho xã Thành Công và xã Nhuế Dương, huyện Khoái Châu)	31,966	19,180	9,590	28,769	19,180	9,590	8,666	4,334	10,001	6,663	3,338	23,001	80%					
4	Mở rộng hệ thống CNTT xã Trung Trác, huyện Văn Lâm (nối mạng cấp nước cho xã Tân Quang và xã Đình Dù, H. Văn Lâm)	31,957	19,174	9,587	28,761	19,174	9,587	7,700	3,800	11,494	7,624	3,870	22,994	80%					

Đơn vị: triệu VND



TT	Tên công trình	Dự toán đã phê duyệt	Dự toán phân vốn WB				Lũy kế vốn bố trí đến 2017				KH vốn 2018				Lũy kế tỷ lệ phân bổ vốn đến hết 2018
			Vốn ĐTPT		Vốn ĐTPT		Vốn ĐTPT		Vốn ĐTPT		Vốn ĐTPT		Vốn ĐTPT		
			Tổng	Cấp phát	Trong đó	Vay lại	Tổng	Cấp phát	Trong đó	Vay lại	Tổng	Cấp phát	Trong đó	Vay lại	
5	Mở rộng hệ thống CNTT xã Long Hưng, huyện Văn Giang (nối mạng cấp nước cho xã Tân Tiến và xã Cửu Cao, H. Văn Giang)	36,680	33,012	22,008	11,004	13,200	8,833	4,367	13,190	8,758	4,431	26,390	80%		
6	Mở rộng hệ thống CNTT xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào (nối mạng cấp nước cho xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào)	16,559	14,903	9,935	4,968	5,994	3,996	1,998	5,913	3,937	1,976	11,907	80%		
7	Mở rộng hệ thống CNTT xã Phú Thịnh, huyện Kim Động (nối mạng cấp nước cho xã Thọ Vinh, huyện Kim Động)	14,216	12,794	8,530	4,265	4,500	3,000	1,500	5,721	3,809	1,912	10,221	80%		
8	Mở rộng hệ thống CNTT xã Phù Ủng, huyện Ân Thi (nối mạng cấp nước cho xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi)	12,649	11,384	7,589	3,795	4,000	2,667	1,333	5,092	3,390	1,703	9,092	80%		
9	Mở rộng hệ thống CNTT xã Minh Tân, huyện Phù Cừ (nối mạng cấp nước cho xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ)	11,115	10,004	6,669	3,335	3,500	2,333	1,167	4,488	2,987	1,501	7,988	80%		
C	Công trình khởi công mới năm 2018	43,282	40,500	27,000	13,500	8,878	6,003	2,875	23,492	15,567	7,925	32,370			
1	Mở rộng hệ thống CNTT liên xã Hưng Đạo - Minh Hoàng, huyện Tiên Lữ (nối mạng cấp nước cho xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ)	28,215	26,730	17,820	8,910	6,078	4,136	1,941	15,291	10,105	5,187	21,369	80%		
2	Mở rộng hệ thống CNTT xã Trung Hưng huyện Yên Mỹ (nối mạng cấp nước cho xã Thanh Long, huyện Yên Mỹ)	15,067	13,770	9,180	4,590	2,800	1,866	934	8,201	5,463	2,738	11,001	80%		



PHỤ LỤC 02:

Phân bổ vốn dự án vệ sinh nông thôn và dự án nâng cao năng lực truyền thông, giám sát thuộc chương trình nước sạch và VSNT dựa trên kết quả 8 tỉnh đồng bằng sông hồng - Vốn vay Ngân hàng Thế giới năm 2018

(Đính kèm tờ trình số 99/TTTr-LN ngày 30/7/2018 của Liên ngành Nông nghiệp & PTNT - Y tế - Giáo dục & Đào tạo)

TT	Tên công trình	KH vốn 2018				Đơn vị thực hiện
		Tổng	Vốn ĐTPT		Vốn SN	
			Trong đó			
			Cấp phát	Vay lại		
	Tổng	4.700	2.200	-	2.500	
I	Dự án vệ sinh nông thôn	2.700	2.200	-	500	
1	Công trình vệ sinh hộ gia đình	500	-	-	500	
2	Vệ sinh trạm y tế	200	200	-	-	
-	Cải tạo, xây mới, công trình cấp nước và vệ sinh trạm y tế tại các xã vệ sinh toàn xã	200	200	-	-	Trung tâm Y tế dự phòng
3	Công trình vệ sinh trường học	2.000	2.000	-	-	
	Thanh toán chi phí Tư vấn báo cáo kinh tế kỹ thuật; Tư vấn giám sát; Bảo hiểm công trình; Phê duyệt quyết toán cho Công trình xây mới, cải tạo, sửa chữa công trình nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh trường học năm 2013.	164	164	-	-	
	Thanh toán cho Xây lắp; Tư vấn lựa chọn nhà thầu; Tư vấn quản lý dự án; Phê duyệt quyết toán cho Công trình xây mới, cải tạo, sửa chữa công trình nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh trường học năm 2015.	528	528	-	-	
	Xây mới, cải tạo, sửa chữa công trình nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS trên địa bàn tỉnh năm 2018 (tại các xã: Đại Tập - huyện Khoái Châu; Nghĩa Hiệp - huyện Yên Mỹ; Phạm Ngũ Lão, Chính Nghĩa - huyện Kim Động; Tân Phúc, Quang Vinh, Hồng Quang - huyện Ân Thi; Đức Thắng - huyện Tiên Lữ).	1.308	1.308	-	-	
II	Dự án nâng cao năng lực truyền thông và giám sát đánh giá	2.000	-	-	2.000	
1	Dự án nâng cao năng lực truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình	1.000	-	-	1.000	Trung tâm nước sinh hoạt và
700		-	-	700	Trung tâm Y tế dự phòng	
300		-	-	300	Sở Giáo dục và Đào tạo	

